

“SỰ SỐNG” TRONG TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC CỦA HENRI BERGSON

Trịnh Thị Hằng^(*)

^(*) Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Email: misshangtrinh@gmail.com

Tóm tắt: Henri Bergson (1859 - 1941) là một trong những triết gia lớn của triết học Pháp cận hiện đại. Khi nghiên cứu về sự sống, ông cho rằng: sự sống không chỉ là một động lực thúc đẩy quá trình sinh học mà còn là một lực sáng tạo và tự do, không bị ràng buộc bởi các quy luật cơ học hay vật lý học truyền thống. Đó là một loại xung động bản nguyên như một dòng chảy có thể nhìn thấy, liên tục và không thể chia cắt trong mỗi sinh vật, nó kéo dài hàng thế hệ và luôn luôn đổi mới; không có sự liên tục thì không có sự sống, không có biến đổi vận động. Do đó, sự sống dưới góc nhìn của Bergson vô cùng độc đáo: ý thức cùng xuất hiện với sự sống, ý thức gắn liền với sự sống; sự sống vận động là do đà thúc đẩy bên trong - đà sống; con người là kiệt tác thành công nhất của sự sống. Lỗi suy tưởng táo bạo ấy mang nhiều bất ngờ và đột phá để chúng ta hiểu hơn vấn đề sinh giới hiện tại.

Từ khóa: sự sống, đà sống, tiến hóa, tiến hóa sáng tạo, ý thức, con người, triết học Henri Bergson...

Ngày nhận bài: 18/05/2024; ngày phản biện: 19/05/2024; ngày sửa chữa: 22/06/2024; ngày duyệt đăng: 15/07/2024.

1. Đặt vấn đề

Henri Bergson là một trong những nhà triết học quan trọng nhất, độc đáo nhất và là nhà triết học đại diện, tiêu biểu cho khuynh hướng Triết học sự sống (Triết học cuộc sống) của triết học phương Tây cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Triết học sự sống lấy việc biểu thị tính chất và ý nghĩa cuộc sống con người

làm xuất phát điểm của toàn bộ việc nghiên cứu triết học và cho rằng, mọi sự vật, hiện tượng tồn tại đều là thứ tồn tại sinh mệnh có sức sống, hoặc có tính năng động, sáng tạo.

Theo đuổi trường phái Triết học sự sống theo khuynh hướng sinh vật học, Bergson đã sử dụng quan điểm biến đổi, vận động và mối liên hệ chỉnh thể để

chứng minh hiện tượng sống. Trong thế giới bao la, muôn loài với các hình thức khác nhau, xung động của cả tự nhiên và vũ trụ đều do xung động sự sống tạo nên; xung động sống là cội nguồn sâu xa của mọi sự vật sống động, mọi sự thay đổi trên thế gian; nói cách khác, sự sống bắt đầu từ cội nguồn, nó là sự tiếp tục của xung động đồng nhất, xung động này phân hóa thành nhiều đường tiến hóa khác nhau.

2. Ý thức cùng xuất hiện với sự sống, ý thức gắn liền với sự sống

Tìm hiểu về *sự sống*, Bergson cho rằng vấn đề ý thức, sự sống và tương quan giữa chúng đã khiến nhiều nhà triết học suy nghĩ để đi tìm câu trả lời cho các vấn đề: Chúng ta từ đâu đến? Chúng ta là gì? Chúng ta đi đâu? Trả lời cho các vấn đề này, Bergson xác định hướng đầu tiên sẽ bước vào đó chính là *inh thần* (ý thức). Bergson quan niệm, không phải vật chất, mà ý thức mới đóng vai trò khởi nguyên của sự sống.

Theo Bergson, ý thức đóng vai trò là khởi nguyên sự sống. Ông khẳng định, “ý thức trước hết là ký ức; hề không có ký ức là không có ý thức” (Henri Bergson 1919: 12). Giữ lại cái đã qua, lần trước vào cái chưa đến, đó là chức

năng đầu tiên của ý thức. “Vai trò của ý thức luôn luôn sáng tạo ra một cái gì mới mẻ cho thế giới... Ý thức cũng sáng tạo ra cái mới ngay trong chính nó. Tinh thần là cái tôi vượt ra ngoài thể xác về mọi mặt, vượt ra không gian cũng như thời gian” (Henri Bergson 1919: 45). Ký ức (ý thức) là một khả năng hoàn toàn biệt lập với vật chất. Nó rất năng động, có khả năng vượt qua sự kiểm soát của thân xác (thể xác). “Nó (tinh thần) là cái tôi vượt ra ngoài thể xác về mọi mặt, vượt ra không gian cũng như thời gian” (Henri Bergson 1919: 45). Ông cũng cho rằng tinh thần (linh hồn) có một sức mạnh lấn nhập vào vật chất, bắt nó mưu lợi cho mình. Sức mạnh tinh thần thể hiện ở chỗ “nó đang cố gắng giải thoát bản thân khỏi những rắc rối, cố gắng tự vượt, cố gắng đem lại trước hết những gì nó có và rồi ra nhiều hơn nữa những gì nó có” (Henri Bergson 1919: 23); và “ý thức sáng tạo lướt qua vật chất, cố gắng bằng nhiều mưu lược và sáng kiến... Thủ đoạn của ý thức là xoay trở định luật bảo toàn năng lượng bằng cách bắt vật chất sản xuất ra càng ngày càng nhiều những chất nổ, càng ngày càng hữu ích cho mình” (Henri Bergson 1919: 23).

Ý thức đóng vai trò khởi nguyên sự sống, do đó, “ý thức cùng có với sự sống”, “ý thức gắn liền với sự sống” (Henri Bergson 1919: 16). Nghĩa là ý thức hiện hữu trong tất cả sinh vật; nơi nào có sự sống, nơi đó có ý thức. Nơi nào sinh vật vận động, nơi đó có sự sống, có ý thức; “không có sinh vật nào là hình như hoàn toàn không thể tự mình vận động” (Henri Bergson 1919: 19). Ông lý giải: Ngay trong giới thực vật, mà cơ thể thường cắm chặt vào đất, thì khả năng vận động bị ru ngủ đi chứ không phải không có, mọi sinh vật, thảo mộc cũng như động vật đều có khả năng đó (vận động). Tế bào thực vật, bị ru ngủ từ ban đầu, thì hoàn toàn mê mẩn trong công việc tích trữ. Chỗ nào không có vận động tự mình, thì nó im lìm ngủ, và khi sự sống hướng đến hoạt động tự do, thì nó trở nên hào hứng. Ông cũng nói thêm, “thực vật không có khí quan cảm giác của loài động vật nhưng vẫn có tiềm ẩn ý thức vận động” (Luu Phóng Đồng 1994: 327).

Với Bergson, sự sống hiện hữu trong tất cả sinh vật. Ông cũng đã chỉ ra hai con đường mở ra cho sự tiến hóa của cuộc sống: *Một là*, con đường vận chuyển ngày càng hữu hiệu, một hành động ngày càng tự do - đường này là

đường mạo hiểm, phiêu lưu; *hai là*, khước từ khả năng vận động, hưởng thụ cuộc sống im lìm. *Đường thứ nhất*, là hướng đi của giới động vật; động vật sử dụng năng lượng để chuyển động tịnh tiến. *Đường thứ hai*, là hướng đi của giới thảo mộc; thực vật ngủ mê trong tính bất động. Từ đó, ông khẳng định “sự sống bao hàm sự chuyển động tự do và không thể đoán trước được” (Henri Bergson 1919: 22). Nó (sự sống) có sự biến thiên không lường trước, bằng cách tiến hóa, đã gieo rắc trên đường đi. Sự sống đã tìm cách hòa giải giữa vật chất bất động và ý thức tự do. Muốn biết chắc chắn một vật thể có ý thức thì phải nhập vào trong nó, đồng nhất với nó, phải là nó. Minh chứng là chúng ta hãy xem ý thức của chúng ta xử trí bằng cách nào trước vật chất nó tri giác “trong một khoảnh khắc ý thức bao quát được hàng triệu kích động” (Henri Bergson 1919: 26).

Dưới góc nhìn của Bergson, ý thức cùng có với sự sống, ý thức gắn liền với sự sống và ý thức đóng vai trò khởi nguyên sự sống. Với góc nhìn này, tư tưởng của Bergson có sự đồng điệu với tư tưởng triết gia duy tâm Parmenides thời Hy Lạp cổ đại, cho rằng *tinh thần* khiến cho *vật chất* chuyển vận và sinh

hóa. *Tinh thần* sáng tạo để có muôn vàn những giá trị *vật chất*. Do đó, tư tưởng Bergson mang yếu tố duy tâm khi nhìn nhận về khởi nguyên sự sống.

3. Sự sống vận động là do đà thúc đẩy bên trong - *Đà sống*

Đà sống là một hình ảnh độc đáo để Bergson mô tả về sự vận động của sự sống. Theo đó, *đà sống* hàm chứa trong chính sự sống, là nội lực bên trong sự sống, nội lực có sức mạnh như thế nào chúng ta không lường trước, không đoán biết được. Bằng cách chuyển động tiến hóa, sự sống mới bộc lộ *đà sống* của mình, bộc lộ khuynh hướng phát triển sự sống.

Mô tả về *đà sống* Bergson đã dùng những hình ảnh “đầy chất thơ” để thể hiện rõ nét nhất sức mạnh nội lực bên trong sự sống. Khi ông mô tả *đà sống* có sức mạnh như đạn đại bác, thuốc súng: “Sự sống đã vẽ ra một quỹ đạo độc nhất, tương tự với quỹ đạo của một viên đạn phóng ra từ khẩu đại bác... một đầu đạn ngay lập tức nổ tung thành các mảnh vỡ, mà những mảnh này cũng là một loại đầu đạn, đến lượt mình lại nổ tung thành mảnh khác, cứ thế mãi tiếp... Khi đầu đạn nổ tung, sự vỡ vụn đặc thù của nó được giải thích vừa qua sức nổ của thuốc súng chứa đựng, và

vừa qua sự kháng cự của hợp kim chống lại nó... Sự sống giống như thuốc súng chỉ chờ nẩy lửa là bùng phát” (Henri Bergson 1927: 23). Ở một góc nhìn khác, hình ảnh *đà sống* được so sánh với nổi hơi: “Chúng ta hãy tưởng tượng một chiếc bình chứa đầy hơi nước ở áp suất cao, và vài chỗ trên thành bình có những vết nứt qua đó hơi nước bắn ra thành tia... bình chứa khổng lồ của sự sống những luồng hơi phải không ngừng phóng lên, mà mỗi thứ rơi xuống là một thế giới...” (Henri Bergson 1927: 236). Tiếp đó, từ hơi nước đã trở thành sóng và sức căng như mũi tên: “quan niệm về hành động ấy càng được kéo căng ra về phía sau, thì nó càng được bắn mạnh về phía trước” (Henri Bergson 1927: 25); “sự sống như luồng sóng khổng lồ tỏa ra từ một trung tâm và ở hầu khắp chu vi của mình” (Henri Bergson 1919: 252).

Có thể thấy rằng Bergson không đưa ra định nghĩa cụ thể về *đà sống*, ông đã dùng nhiều hình ảnh khác nhau và ví von vô cùng đặc biệt, sáng tạo để mô tả sinh khí sự sống. Khi thì *đà sống* có sức mạnh phun trào như thuốc nổ, cuộn cuộn như luồng sóng khổng lồ; khi thì có sức căng như nổi hơi, có sức bật phá như mũi tên,... Đó là hình ảnh mô tả sự

sống luôn phun trào theo hướng đi lên, lan tỏa và mạnh mẽ; sôi động, tràn đầy năng lượng sống, mãnh liệt vươn lên. Những hình ảnh đó cũng gợi cho chúng ta liên tưởng đến hình ảnh “ý chí sống” của triết gia Friedrich Nietzsche và “ý chí tỏa sáng” của A.Schopenhaur khi mà “ý chí sống” được hiểu như là một sức mạnh, một quyền lực và ý chí sống của con người là thứ quyết định tối hậu, vận hành đời sống. “Lần đầu tiên tôi cảm thấy rằng ý chí muốn sống mãnh liệt nhất và cao cả nhất không phải là biểu thị trong một cuộc vật lộn thảm hại để sống còn, mà còn là ý chí muốn Chiến tranh, một ý chí muốn Quyền lực, một ý chí muốn khắc phục... Trong con người không có sự vật, không có thể giới các vì sao, chỉ tồn tại ý chí tỏa sáng” (James Rachels 1999: 235). Trong vô vàn khách thể hóa của ý chí như vật thể, thực vật, động vật, con người thì con người chính là khách thể hóa cao nhất của ý chí.

Làm thế nào để sinh vật có sức mạnh nội lực tạo ra *đời sống*? Lý giải điều này Bergson cho rằng: cách để sinh vật “*ché tạo chất nổ*” là từ những thức ăn, từ năng lượng được tích trữ trong sinh vật và sẵn sàng biến đổi thành vận động. Ông viết: “Thức ăn

đưa vào, vì thức ăn là một loại thuốc nổ, chỉ đợi môi lửa để bùng ra năng lượng tích trữ” (Henri Bergson 1927: 241); “nơi giới thảo mộc, sự sống chăm lo việc chế tạo ra chất nổ; còn nơi động vật, nó lại để ý đến việc làm phát nổ... Khi nó thực hiện một vận động là nó giải phóng năng lượng đã lưu trữ; chỉ cần làm nảy lửa, chất nổ sẽ bùng phát và vận động sẽ thực hiện theo hướng đã chọn... Do đó, sự sống có hai công việc: tích trữ dần dần và tiêu phí đột ngột” (Henri Bergson 1927: 24).

Bergson cũng đã đề cập đến khuynh hướng phát triển của sự sống giống như những “ngọn gió xoay vòng”. Ông viết: “Sự tiến hóa nói chung hẳn là diễn ra nhiều nhất có thể theo đường thẳng nhưng từng tiến hóa đặc biệt thì lại là một tiến trình xoay vòng. Giống như những vùng xoáy mà ngọn gió thổi qua tạo ra, những sinh vật xoay quanh chính mình, cheo leo trước ngọn gió vĩ đại của cuộc đời... Sự sống là một hành động luôn lớn mạnh dần (xét về bản chất)” (Henri Bergson 1927: 129). Với cách nhìn này, tư tưởng Bergson đã có sự tương đồng với Ph.Ăngghen khi khẳng định rằng, “phát triển là phát triển bằng mâu thuẫn hoặc phủ định của phủ định - phát triển theo hình xoáy ốc”

(C.Mác và Ph.Ăngghen 2000: 6); nghĩa là, phát triển không đi theo đường thẳng. Tính chất xoáy ốc của sự phát triển không chỉ hướng tới sự tiến bộ chung mà có cả sự vận động thụt lùi tạm thời, có những khoảng lặng trong quá trình phát triển. Hướng phát triển “xoáy ốc” hay “xoay vòng như ngọn gió” đều gợi ra sự đồng điệu của Bergson và Ph.Ăngghen khi nhận diện *sự sống* và sức mạnh của *sự sống* luôn vận động, luôn luôn phát triển theo khuynh hướng đi lên; biểu thị rõ ràng, đầy đủ đặc trưng của quá trình phát triển biện chứng của sự vật: đó là tính kế thừa, tính lặp lại, tính tiến lên. Mỗi vòng của đường “xoáy ốc” hay “xoay vòng như ngọn gió” thể hiện sự lặp lại nhưng thể hiện trình độ cao hơn của sự phát triển.

Có thể nói, với lối tư duy về khuynh hướng phát triển của sự sống giống như những “ngọn gió xoay vòng” của Bergson có sự đồng điệu nhất định với tư tưởng của Ph.Ăngghen. Vì thế, có thể thấy, tư tưởng Bergson mang yếu tố duy vật khi lý giải về xu hướng vận động của sự sống. Hình ảnh *đà sống* trong tư tưởng của Bergson được Samuel Enoch Stumpf nhận xét rằng: Sẽ là vô nghĩa nếu hỏi hình ảnh nào

trong số này là “chính xác” như một giả thuyết, vì tất cả chúng đều “đúng” trước con mắt của trí tưởng tượng đầy chất thơ... *Đà sống* của Bergson không thực sự là một giả thuyết khoa học có giá trị, vì việc chứng minh hay bác bỏ nó trên thực tế là không thể (Samuel Enoch Stumpf 2004: 347). Tác giả J.K.Melvill thì nhận xét rằng “Bergson đã dành cho sự sống một ưu thế gần như tuyệt đối, hiểu nó như quá trình sinh thành sáng tạo không mệt mỏi, chi phối sự tiến hóa của thế giới” (J.K.Melvill 1997: 13).

4. Con người là kiệt tác thành công nhất của sự sống

Con người vừa là một thực thể tự nhiên, vừa là một thực thể xã hội và do vậy, trong mọi thời đại lịch sử, con người luôn có một tầm vóc quan trọng trong kiến tạo thế giới. Trong sự phát triển của mình, triết học phương Tây hiện đại khẳng định con người là đề tài trung tâm của triết học. Dưới góc nhìn của Bergson, con người là kiệt tác thành công nhất của sự sống; con người là lý do tồn tại của toàn bộ sự tổ chức hữu cơ sự sống trên hành tinh. Con người là “điểm cuối” và “mục đích” của sự tiến hóa; sự tồn tại người như lý do tồn tại của sự tiến hóa.

Theo Bergson “Con người mà sự mạng là luôn luôn dựa vào toàn thể quá khứ của mình để hướng mạnh về tương lai là thành công vĩ đại nhất của sự sống”. Và cuộc sống ấy, tôi còn quan niệm nó như “một cuộc sống tranh đấu, như một sự đòi hỏi phát minh, như cuộc *tiến hóa sáng tạo*” (Henri Bergson 1919: 38). Dưới góc nhìn của Bergson, *tiến hóa sáng tạo* là sung động đòi sống luôn sáng tạo ra bản thân mình và sáng tạo cái mới. Vì bản thân nó kéo dài liên tục nên không ngừng tiến hóa và sự tiến hóa này không phải là phép cộng đơn thuần, mà là quá trình sáng tạo chất thuần túy; một loại sáng tạo hoàn toàn mới và không bao giờ dừng lại. Để làm rõ *sự sống tiến hóa sáng tạo* như thế nào, Bergson nói thêm: “Cuộc tiến hóa toàn diện của sự sống ở mặt đất này là sự ý thức sáng tạo lướt qua vật chất, cố gắng bằng nhiều mưu lược và sáng kiến” và khẳng định “đời sống không phải là sự liên kết và cộng dồn các yếu tố để trở nên tiến bộ, mà là do tách rời và chia ra để trở nên tiến bộ” (Henri Bergson 1927: 89).

Bergson chỉ ra sức mạnh chỉ có ở con người: “chỉ là với con người mới có sự nhảy thoát đột ngột và dây xiềng mới bị bẻ gãy”. Hay “cuộc tiến hóa của

sự sống nó xuyên qua phía mặt, phía trái, tiến lên ít nhiều, lắm lúc thất bại vì gặp phải đá khối, nhưng ít ra là trong một hướng, nó đã thành công, chọc thủng đường hầm để xuất hiện ra ánh sáng. Hướng đó là con đường tiến hóa đã đưa đến loài người” (Henri Bergson 1919: 34). Con đường mà ta đi trong thời gian ngồn ngàng những mảnh vỡ, từ tất cả những gì để ta có thể trở thành; và chính những con đường ấy, thì chỉ duy nhất con người mới đủ rộng để cho những luồng đại phong sự sống tự do thổi qua. “Sự sống đã mượn đà để phóng đi trong khi tất cả thứ khác đều lui xuống vì thấy sợi dây căng ra là quá cao, thì duy con người đã nhảy qua chướng ngại” (Henri Bergson 1927: 251).

Chỉ là nơi con người, nhất là nơi những người tốt nhất trong chúng ta, *đà sinh lực* mới tiếp tục và không bị trở ngại, qua thể xác của con người, cái kỳ công mỹ thuật nó đã tạo nên lúc đi qua, *đà sinh lực* đã đẩy mạnh trào lưu sáng tạo đời sống đạo đức. Do đó, ông khẳng định, chính con đường dẫn đến loài người mới là thứ mà ta phải đặc biệt quan tâm. “Chỉ có xã hội loài người mới nhắm thẳng cả hai mục đích cần đạt. Tranh đấu với chính mình. Chiến

đấu với những xã hội khác, rõ là với sự cọ xát, va chạm ấy, xã hội con người tìm cách gọt tròn những góc cạnh, làm mòn những đối kháng, loại bỏ những mâu thuẫn, làm thế nào để cho ý chí cá nhân hòa hợp với ý muốn xã hội mà không hư hỏng và những xã hội nhân loại khác nhau sát nhập với nhau trong một xã hội rộng lớn” (Henri Bergson 1919: 40).

Bergson nói thêm “sự độc lập trở nên hoàn chỉnh với bàn tay con người có thể thực thi bất kỳ công việc nào” (Henri Bergson 1927: 132). “Làm sao không kinh ngạc trước việc con người có thể học bất kỳ vận động nào, chế tạo bất kỳ đối tượng nào, cuối cùng có được bất kỳ thói quen cử động nào... Với con người thì ý thức bẻ gãy dây xích, nơi con người và chỉ nơi con người thì nó mới tự giải phóng mình” (Henri Bergson 1927: 250).

Khẳng định sức mạnh chỉ có nơi con người, Bergson cho rằng, con người là thượng đẳng; “một loài đã xem toàn bộ trái đất như lãnh địa của mình thì thực là một loài thống trị và như thế là thượng đẳng hơn. Một loài như thế, con người sẽ đại diện cho đỉnh điểm tiến hóa của động vật có xương sống” (Henri Bergson 1927: 133).

Nói về con người “thượng đẳng” chúng ta biết rằng, “thượng đẳng” là từ ngữ diễn tả về những người có thứ hạng cao trong xã hội hoặc trong một nhóm nhất định. Người “thượng đẳng” là người có sức ảnh hưởng lớn trong cộng đồng. Với góc nhìn của Bergson, con người thượng đẳng chính là kẻ thống trị bề mặt trái đất “giống như loài kiến là chủ nhân của đất ngầm, con người là chủ nhân của mặt đất (Henri Bergson 1927: 133). Hay như cách nói của triết gia Nietzsches về con người là “chúng loài siêu nhân”. Khi nói về “siêu nhân” người ta thường nghĩ đến hình ảnh một con người xuất chúng, tài giỏi, nhiều khả năng vượt trội khác người bình thường. “Siêu nhân” trong tư tưởng tích cực là người có sứ mạng cứu loài người khi lâm vào cảnh lâm than, khổ cực. Sức mạnh siêu nhân luôn mang sự bình an, hạnh phúc đến cho mọi người. Theo nghĩa đó, con người “thượng đẳng” trong quan điểm của Bergson chính là đỉnh điểm tiến hóa của động vật có xương sống. Con người có năng lực cao nhất trên trái đất này. Vì sự đề cao đó, ông cho rằng; khi rơi vào tình huống khó khăn, chỉ con người mới đủ năng lực tìm ra giải pháp cho chính mình. “Khắp nơi khác với

con người, ý thức thấy mình bị dồn vào ngõ cụt; duy với con người mà nó đã đi tiếp đường của mình” (Henri Bergson 1927: 149).

Đề cập đến vấn đề con người, nhiều nhà triết học cũng đã đề cao về con người, vị trí con người trong thế giới. Nhà triết học Hy Lạp Cổ đại Empedoclius cho rằng “con người đã, đang và sẽ luôn là hiện tượng thú vị nhất đối với con người”. Augustine nhận định “con người ngạc nhiên về biển cả sôi động, về dòng nước chảy, về cảnh quan của bầu trời nhưng lại quên rằng trong tất cả những cái kỳ diệu thì chính bản thân con người là cái kỳ diệu nhất” (E.Adamson Hoebel 2007: 9). Kant - nhấn mạnh con người có giá trị nội tại và quý giá hơn tất cả những gì trên đời “con vật đơn thuần là phương tiện để đạt đến mục đích. Con người mới là mục đích” (James Rachels 1999: 123)... Dù có cách nhìn nhận khác nhau về con người nhưng các nhà triết học đều thừa nhận sự kỳ diệu, thú vị chỉ có nơi con người. Nhưng con người, dưới góc nhìn Bergson, nó đặc biệt ở chỗ con người là kiệt tác thành công nhất của sự sống. Sự sống, sinh khí sống truyền từ bào thai này sang bào thai khác và thúc đẩy

co thể đi tới hoàn thiện, theo con đường *tiến hóa sáng tạo*. “Sự thành công của cuộc sống là sự sáng tạo, há chúng ta chẳng được giả thiết rằng ý nghĩa của đời người cũng nằm trong sự tạo dựng, một sự tạo dựng khác với sự tạo dựng nơi nghệ sĩ hay nhà bác học, nó có thể được theo đuổi nơi mọi người bất cứ lúc nào: đó là sự tạo dựng bản thân, bởi bản thân, sự phát triển nhân cách nhờ cố gắng đổi ít ra nhiều, biến không thành có để mãi mãi tràn gian thêm tốt đẹp” (Henri Bergson 1919: 37).

5. Giá trị của tư tưởng Henri Bergson về sự sống

Tư tưởng triết học của Henri Bergson về *sự sống* đã mô tả sâu sắc khí thế sống của của mọi sinh vật trong thế giới này theo đường hướng *tiến hóa sáng tạo*. Đường hướng ấy kéo dài liên tục, không ngừng tiến hóa và *xung động sự sống* chính là nguồn gốc sâu sắc nhất phía sau sự sống động và đổi mới liên tục của vạn vật. Bằng nội lực bên trong - *đà sống*, sự sống đã diễn ra theo kiểu tỏa rộng như quả đạn đại bác nổ thành từng mảnh, đời sống giống như pháo hoa bay lên trời hoặc có sức mạnh như mũi tên để minh chứng rằng sự sống trên trái đất này mang trong

mình sức mạnh nội lực không thể lường trước và đánh bật mọi rào cản vật chất.

Tư tưởng của Bergson thể hiện nhiệt huyết bất tử về sức sống với một lực đẩy diệu kỳ. “Tất cả vật sống dựa vào nhau, và tất cả xuôi theo cùng một lực đẩy diệu kỳ. Động vật dựa lên thực vật, con người cưỡi lên động vật và toàn bộ nhân loại trong thời gian và trong không gian, là đạo quân khổng lồ phi bước bên cạnh mỗi người chúng ta, trước và sau ta, trong một đà phóng có thể đánh bật tất cả trở lực, vượt qua bao chướng ngại và có lẽ đến cả cái chết” (Henri Bergson 1927: 256).

Trong chặng đường *tiến hóa sáng tạo* của sự sống ấy, con người là kiệt tác của sự sống. Con người mang trong mình sức mạnh tiềm ẩn và khả năng tinh thần sáng tạo không ngừng nghỉ. Sự cọ xát, va chạm trong thực tiễn sinh tồn khiến con người tìm cách gạt tròn những góc cạnh, làm mòn những đôi kháng, loại bỏ những mâu thuẫn, tìm cách để cho ý chí cá nhân hòa hợp với ý muốn xã hội mà vẫn giữ được bản sắc riêng có. Từ đó, khắc họa rõ hơn vị trí con người trong thế giới. Thế giới của con người có thể vượt qua trái đất này. Con người có khả năng lý giải

được sự vật, có khả năng làm cho cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn.

Vấn đề *sự sống* trong tư tưởng của Henri Bergson dưới góc độ nhận thức luận, ý thức có sức mạnh thoát khỏi tính trơ ì của vật chất. Con người có sức mạnh tiềm tàng để vượt qua những bi kịch trong xã hội hiện đại. Xây dựng niềm tin về một tương lai tốt đẹp sẽ đến với cuộc sống con người. Với sức mạnh tinh thần luôn luôn sáng tạo, luôn luôn phun trào theo hướng đi lên; con người có đủ sức mạnh và nghị lực để thách thức mọi rào cản từ cuộc sống hiện thực mang lại.

6. Kết luận

Tư tưởng của Henri Bergson về sự sống bao hàm nhiều vấn đề khác nhau; song, tác giả chủ yếu bàn về vấn đề sự sống dưới góc nhìn triết học với *đà sống - đà thúc đẩy bên trong* từ nội lực trong chính sự sống; trong sự vận động của sự sống, con người là kiệt tác thành công nhất.

Bergson đã dành cho sự sống một ưu thế gần như tuyệt đối, hiểu nó như quá trình sinh thành sáng tạo không mệt mỏi, chi phối sự tiến hóa của thế giới. Sự sống luôn vận động theo hướng đi lên; chính sự sống đã “suối ấm” và làm hồi sinh trở lại những vật

chất “ngưng đọng”, “chết cứng”; biến thành những thực thể sống và tiếp tục cuộc hành trình tiến hóa theo mô típ của sinh khí sống; trong quá trình đó, ý thức đóng vai trò khởi nguyên sự sống. Đó là góc nhìn sùng bái ý thức, ông xem ý thức như cơ sở của quá trình tiến hóa; ý thức quyết định vật chất. Hệ luận này đã đẩy ông vào quan điểm duy tâm, chủ quan; đi ngược lại với quan điểm duy vật của C.Mác về vấn đề vật chất - ý thức.

Dòng chảy sự sống cuộn cuộn tuôn trào “cuộc sống là khí thể, dòng chảy, khát vọng, tính liên tục, tính toàn vẹn, biểu hiện của phát triển, của sáng tạo, của sinh thành vô hạn, của tính đa dạng không bao quát hết, là lĩnh vực không tiên đoán được và không lặp lại” (Đỗ Minh Hợp 2014: 88). Cái thú vị của Henri Bergson là đã sử dụng sự phát triển của thuyết tiến hóa, tâm lý, tế bào học, sinh vật học đương thời, làm cho triết học đời sống mang đặc trưng của chủ nghĩa phi lý triết học phương Tây hiện đại, mang sắc thái của khoa học hiện đại. “...Chính nhờ vậy mà lý luận của Henri Bergson có ảnh hưởng rộng lớn khắp thế giới phương Tây” (Luu Phóng Đồng 2011: 345).

Tài liệu trích dẫn

1. Henri Bergson. 1919. *Năng lực tinh thần* (Cao Văn Luận dịch) 2021. Hà Nội: Nxb. Thế giới.
2. Henri Bergson. 1927. *Tiến hóa sáng tạo* (Nguyễn Anh Cường dịch) 2023. Hà Nội: Nxb. Hồng Đức.
3. Luu Phóng Đồng (chủ biên). 2011. *Giáo trình hướng tới thế kỷ 21 - Triết học phương Tây hiện đại* (dịch từ “triết học phương Tây hiện đại tân biên” (Lê Khánh Trường dịch). Hà Nội: Nxb. Lý luận chính trị.
4. Đỗ Minh Hợp. 2014. *Lịch sử triết học phương Tây, tập 3*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
5. E.Adamson Hoebel. 2007. *Nhân chủng học - Khoa học về con người*. Nxb. Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.
6. C.Mác và Ph.Ăngghen. 2000. *Toàn tập*, tập 42. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
7. James Rachels. 1999. *The elements of moral philosophy*. Mc. Grand-Hill College, New York.
8. J.K.Melvill. 1997. *Các con đường của triết học phương Tây hiện đại* (Phạm Đình Nghiệm, Đình Ngọc Thạch dịch). Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
9. Samuel Enoch Stumpf. 2004. *Lịch sử triết học và các luận đề* (Biên dịch Đỗ Văn Thuấn, Luu Văn Hy). Hà Nội: Nxb. Lao động.